

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

QUY TRÌNH VẬN HÀNH HỆ THỐNG
CÔNG TRÌNH GIẢI QUYẾT NGẬP DO TRIỀU KHU VỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ
MINH CÓ XÉT ĐẾN YẾU TỐ BIẾN ĐỔI HẬU (GIAI ĐOẠN 1)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2438/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2024
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Năm 2024

MỤC LỤC

Chương I	3
QUY ĐỊNH CHUNG	3
Chương II	7
VẬN HÀNH NGẮN TRIỀU VÀ HỖ TRỢ TIÊU, THOÁT NƯỚC	7
Chương III	10
QUAN TRẮC CÁC YẾU TỐ KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN	10
Chương IV	13
TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN	13
Chương V	19
TỔ CHỨC THỰC HIỆN	19
PHỤ LỤC I. TỔNG QUAN VỀ HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH	20
PHỤ LỤC II. NGUYÊN LÝ VẬN HÀNH VÀ MỘT SỐ KẾT QUẢ TÍNH TOÁN	27
PHỤ LỤC III. CÁC TUYẾN GIAO THÔNG THỦY TRONG HỆ THỐNG ..	29

GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

- “Mở thoáng”: cửa van được mở với độ mở lớn nhất thiết kế.
- “Đóng kín”: đóng cửa xuống sát đáy cống (cửa phẳng, cửa cung); cánh cửa đã đóng hoàn toàn (cửa bản lề).
- “Khống chế”: đảm bảo không cho mực nước hoặc lưu lượng vượt quá hoặc thấp hơn một giới hạn quy định.
- “Tiêu, thoát nước”: là trạng thái vận hành công trình để nước chảy từ trong hệ thống ra ngoài hệ thống (từ trong vùng được bảo vệ ra sông).
- “Áp thấp nhiệt đới”: là một xoáy thuận nhiệt đới có sức gió mạnh nhất từ cấp 6 đến cấp 7 và có thể có gió giật.
- “Bão”: là một xoáy thuận nhiệt đới có sức gió mạnh nhất từ cấp 8 trở lên và có thể có gió giật.
- “Nước dâng”: là hiện tượng nước biển dâng cao hơn mực nước triều bình thường do ảnh hưởng của áp thấp nhiệt đới, bão hoặc gió mạnh trên biển.
- “Rủi ro thiên tai”: là thiệt hại mà thiên tai có thể gây ra về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và hoạt động kinh tế - xã hội. Cấp độ rủi ro thiên tai được qui định tại Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ.
- Cấp mưa được xác định theo qui định của tổ chức khí tượng thế giới (WMO):
 - + Mưa vừa: có tổng lượng mưa từ $(8 \div 25)$ mm/12giờ hoặc $(16 \div 50)$ mm/24giờ;
 - + Mưa to: có tổng lượng mưa từ $(26 \div 50)$ mm/12giờ hoặc $(50 \div 100)$ mm/24giờ;
 - + Mưa rất to: có tổng lượng mưa từ >50 mm/12giờ hoặc >100 mm/24giờ.
- Vận hành trong điều kiện bình thường: là khi thời tiết bình thường hoặc xuất hiện các hình thái thiên tai nhưng mực nước ngoài sông và lượng mưa trong vùng được bảo vệ chưa vượt tiêu chuẩn thiết kế của Hệ thống công trình (phụ lục I).
- Vận hành trong điều kiện rủi ro thiên tai vượt thiết kế: là khi xuất hiện rủi ro thiên tai (Quyết định 18/2021/QĐ-TTg) và mực nước ngoài sông và lượng mưa trong vùng được bảo vệ vượt tiêu chuẩn thiết kế của Hệ thống công trình.

**QUY TRÌNH VẬN HÀNH
HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH GIẢI QUYẾT NGẬP DO TRIỀU KHU VỰC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CÓ XÉT ĐẾN YẾU TỐ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU
(GIAI ĐOẠN 1)**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2438/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2024
của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Căn cứ pháp lý

Mọi hoạt động có liên quan đến quản lý khai thác và bảo vệ an toàn hệ thống công trình Giải quyết ngập do triều khu vực thành phố Hồ Chí Minh có xét đến yếu tố biến đổi khí hậu giai đoạn 1 (Sau đây gọi tắt là Hệ thống) phải tuân thủ theo:

1. Các Luật:

- a) Luật Giao thông đường thủy nội địa: số 23/2004/QH11 ngày 15 tháng 06 năm 2004 và số 48/2014/QH13 ngày 17 tháng 06 năm 2014;
- b) Luật Đê điều số 79/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006;
- c) Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21 tháng 06 năm 2012;
- d) Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19 tháng 06 năm 2013;
- đ) Luật Khí tượng Thủy văn số 90/2015/QH13 ngày 23 tháng 11 năm 2015;
- f) Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19 tháng 06 năm 2017.
- e) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều số 60/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- g) Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;

2. Các Nghị định, Thông tư:

- a) Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

b) Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 07 năm 2021 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật đê điều.

c) Nghị định 03/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều.

d) Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 05 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật thủy lợi;

đ) Thông tư số 30/2018/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về quan trắc và cung cấp thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn đối với trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng;

e) Thông tư số 03/2022/TT- BNNPTNT ngày 16 tháng 06 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2018/TT- BNNPTNT ngày 15 tháng 05 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật thủy lợi;

f) Thông tư số 08/2022/TT-BTNMT ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về loại bản tin và thời hạn dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn;

g) Thông tư số 14/2022/TT-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quan trắc khí tượng;

h) Thông tư số 22/2022/TT-BTNMT ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quan trắc thủy văn.

3. Các Quyết định:

a) Quyết định số 15/QĐ-BTNMT của Bộ Tài Nguyên và Môi trường ngày 26 tháng 11 năm 2003 về ban hành Quy phạm quan trắc mực nước và nhiệt độ nước sông;

b) Quyết định số 5967/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ngày 12 tháng 11 năm 2015 “Về duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án giải quyết ngập do triều khu vực thành phố Hồ Chí Minh có xét đến yếu tố biến đổi khí hậu (giai đoạn 1)”; và các quyết định phê duyệt điều chỉnh, bổ sung liên quan khác của dự án;

c) Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 22 tháng 04 năm 2021 về quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai.

4. Quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định, quy trình:

a) TCVN 8418: 2010: Công trình thủy lợi – Quy trình quản lý vận hành, duy tu bảo dưỡng công;

b) TCVN 8412:2020: Công trình thủy lợi - Quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi;

c) TCVN 12910:2020: Luồng đường thủy nội địa – yêu cầu thiết kế;

d) QCVN 47:2022/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quan trắc thủy văn;

đ) TCVN 8417: 2022: Công trình thủy lợi – Quy trình quản lý vận hành, duy tu và bảo dưỡng trạm bơm điện.

5. Các văn bản liên quan khác.

Điều 2. Nguyên tắc vận hành

Việc quản lý, vận hành hệ thống công trình Giải quyết ngập do triều khu vực Thành phố Hồ Chí Minh có xét đến yếu tố biến đổi hậu (giai đoạn 1) phải đảm bảo:

1. Nguyên tắc chung:

a) Thống nhất trong toàn hệ thống, không chia cắt theo địa giới hành chính;

b) Hòa hòa lợi ích giữa các vùng và trong toàn hệ thống;

c) Tuân thủ các chỉ tiêu thiết kế, năng lực thực tế của công trình;

d) Tuân thủ quy trình quản lý vận hành và sự chỉ đạo của các cơ quan có thẩm quyền.

2. Nguyên tắc vận hành:

a) Vận hành hệ thống căn cứ vào bản tin dự báo, cảnh báo, dự báo do Tổng cục Khí tượng Thủy văn cung cấp được quy định tại Quyết định 18/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 04 năm 2021;

b) Ưu tiên vận hành công, giảm thiểu vận hành bơm;

c) Không chế mực nước cao nhất trên sông rạch trong vùng bảo vệ không quá +1,2m;

d) Chế độ đóng mở cửa van công, trạm bơm và âu thuyền:

- Khi vận hành, cửa van của công luôn đặt tại trạng thái: mở thoáng hoặc đóng kín;

- Chỉ mở cửa van khi mực nước trước và sau công cân bằng (sai số ≤ 10 cm);

- Chỉ vận hành trạm bơm, âu thuyền khi cửa công đóng.

đ) Chỉ vận hành công trình khi các điều kiện về an toàn liên quan khác được đảm bảo.

Điều 3. Nhiệm vụ của Hệ thống

1. Kiểm soát ngập do triều cho vùng được bảo vệ bao gồm: Quận 4, Quận 7, Quận 8, một phần các Quận 1, 5, 6, 10, 11, Tân Bình, Tân Phú, huyện Nhà Bè và huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Cải thiện khả năng tiêu thoát cho các hệ thống thoát nước đô thị trong vùng được bảo vệ.

3. Hỗ trợ trữ nước khi có mưa kết hợp triều cao.

4. Cải thiện môi trường, cảnh quan cho khu vực thuộc phạm vi hệ thống.

5. Đảm bảo hoạt động giao thông đường thủy qua các cụm công trình thông suốt, an toàn.

Điều 4. Thông số kỹ thuật chủ yếu của các cụm công trình trong Hệ thống

Hệ thống được chia thành 9 cụm công trình. Thông số, quy mô, kích thước các cụm công trình được trình bày trong phụ lục II.

STT	Cụm công trình	Cổng kiểm soát	Trạm bơm	Âu thuyền	Cổng ngăn triều
1	Bến Nghé	x	x		
2	Tân Thuận	x	x	x	
3	Phú Xuân	x			
4	Mương Chuối	x		x	
5	Cây Khô	x		x	
6	Phú Định	x	x	x	
7	Cầu Kinh		x		x
8	Bà Bướm		x		x
9	Đê/kè và cống nhỏ				x

Điều 5. Vận hành các cụm công trình thuộc Hệ thống

1. Vận hành các cụm công trình tuân theo quy trình vận hành cụm công trình tương ứng.

2. Tiêu chí vận hành công trình tại các cụm: mực nước, thời điểm đóng mở cống, lưu lượng bơm, thời gian bơm được xác định theo quy trình vận hành Hệ thống.

Chương II

VẬN HÀNH NGĂN TRIỀU VÀ HỖ TRỢ TIÊU, THOÁT NƯỚC

I. Vận hành trong điều kiện bình thường.

Đơn vị quản lý vận hành chủ động vận hành hệ thống theo quy trình quản lý vận hành trong điều kiện bình thường.

Điều 6. Vận hành khi dự báo không mưa.

1. Trường hợp dự báo mực nước tại trạm Phú An nhỏ hơn +1,2m công để mở thoát.

2. Trường hợp dự báo mực nước tại trạm Phú An lớn hơn ($\geq +1,2m$)

- Đóng công: khi triều lên, và mực nước tại vị trí công đạt +1,2m;
- Mở công: khi triều xuống, và mực nước trước và sau công cân bằng;
- Không vận hành bơm.

Điều 7. Vận hành khi dự báo có mưa.

1. Dự báo mực nước tại trạm Phú An nhỏ hơn +1,2m.

a) Có mưa đến mưa to công để mở thoát.

b) Mưa rất to kèm cảnh báo thiên tai mức rủi ro cấp I.

- Đóng công: khi triều lên, và mực nước tại vị trí công đạt +0,60m;
- Mở công: khi triều xuống, và mực nước trong và ngoài công cân bằng;
- Không vận hành bơm.

c) Mưa rất to kèm cảnh báo thiên tai mức rủi ro cấp II.

- Công vận hành tiêu thoát 1 chiều;
- Bơm duy trì mực nước không chế trên sông rạch trong đồng không quá +1,20m.

2. Dự báo mực nước tại trạm Phú An lớn hơn ($\geq +1,2m$).

a) Có mưa đến mưa to.

- + Đóng công: khi triều lên, và mực nước tại vị trí công đạt +0,60m;
- + Mở công khi triều xuống, và mực nước trong và ngoài công cân bằng;
- + Không vận hành bơm.

b) Mưa rất to kèm cảnh báo thiên tai mức rủi ro cấp I.

- + Đóng công: khi triều lên, và mực nước tại vị trí công đạt +0,60m;
- + Mở công khi triều xuống, và mực nước trong và ngoài công cân bằng;

+ Bơm duy trì mực nước không chế sông rạch trong đồng không quá +1,20m.

c) Mưa rất to kèm cảnh báo thiên tai mức rủi ro cấp II.

- Công vận hành tiêu thoát 1 chiều;

- Bơm tối đa từ lúc đóng công cho đến khi đưa mực nước không chế trên sông rạch trong đồng xuống 1,20m hoặc đến khi mở công tiêu thoát 1 chiều.

II. Vận hành trong điều kiện bất thường

Điều 8. Vận hành trong điều kiện rủi ro thiên tai vượt thiết kế

1. Khi dự báo xuất hiện các rủi ro thiên tai gồm:

a) Mưa trong vùng được bảo vệ lớn hơn (từ 200mm đến 400mm)/24h và có rủi ro thiên tai cấp II trở lên.

b) Xuất hiện mực nước triều, lũ lớn mực nước tại trạm Phú An từ +1,62m ($P_{tk} = 0,5\%$) trở lên và có rủi ro thiên tai cấp II trở lên.

c) Xuất hiện bão hoặc áp thấp nhiệt đới có khả năng gây nước biển dâng từ 2m đến 3m trở lên và có rủi ro thiên tai cấp II trở lên.

d) Xuất hiện đồng thời từ 2 tình huống nói trên trở lên.

2. Vận hành khi xuất hiện các tình huống thiên tai.

Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm chỉ đạo vận hành khi xuất hiện các tình huống thiên tai. Đơn vị quản lý vận hành xây dựng phương án vận hành trong tình huống thiên tai trình Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt.

Điều 9. Quy định vận hành khi công trình có sự cố

1. Các sự cố có thể xảy ra như kẹt cửa van, lún sụt bất thường, nứt vỡ hay sụp đổ các kết cấu liên quan; sự cố thiết bị vận hành xilanh thủy lực ... dẫn đến tình trạng không đóng hoặc mở được cửa van. Quy định vận hành khi có sự cố:

a) Trường hợp 1 hoặc 2 công bị sự cố không đóng được, các công khác vận hành đóng theo quy trình;

b) Trường hợp 1 hoặc 2 công bị sự cố không mở được, các công khác vận hành mở theo quy trình;

c) Trường hợp từ 3 công cùng bị sự cố đơn vị quản lý vận hành báo cáo cơ quan quản lý cấp trên quyết định việc vận hành các công còn lại.

2. Trường hợp có động đất:

a) Giữ nguyên trạng thái nếu cửa đang đóng kín hoặc mở thoáng; dừng quá trình nếu đang vận hành đóng hoặc mở;

b) Sau khi hết động đất khẩn trương kiểm tra công trình, thực hiện qui trình sửa chữa các hư hỏng (nếu cần) trước khi tiếp tục vận hành theo yêu cầu.

3. Khi có sự cố, đơn vị quản lý vận hành phải báo cáo ngay Sở Xây dựng đồng thời tùy theo mức độ nghiêm trọng và phạm vi ảnh hưởng đề xuất phương án xử lý và khắc phục sự cố.

Điều 10. Các trường hợp vận hành khác

1. Vận hành cải tạo môi trường:

a) Vận hành giữ nước môi trường: Khi chân triều thấp, dự báo thời tiết không có mưa, có yêu cầu giữ nước môi trường. Đóng cống khi mực nước tại cống xuống bằng +0,6m; mở cửa van khi mực nước ngoài cống tại cống lên trở lại bằng mực nước trong cống.

b) Vận hành cải tạo môi trường nước: Khi thời tiết không mưa, không có yêu cầu giữ nước giao thông thủy (mục c, khoản 2 điều này), có yêu cầu cải tạo môi trường nước. Vận hành tạo dòng chảy một chiều như sau: Các cống Phú Định, Cây Khô vận hành lấy nước một chiều vào hệ thống (đóng cống khi mực nước tại cống vượt quá 1,2m); Các cống Bến Nghé, Tân Thuận vận hành tiêu thoát một chiều ra sông Sài Gòn; Các cống Phú Xuân, Mương Chuối vận hành khống chế mực nước từ +(0,6÷1,2) m. Mỗi đợt vận hành từ một đến 2 ngày liên tục.

2. Vận hành theo yêu cầu giao thông thủy:

a) Chỉ cho phép phương tiện giao thông thủy qua cống khi vận tốc dòng chảy qua cống $\leq 1,5$ m/s;

b) Trong quá trình vận hành bình thường phải đảm bảo hoạt động cho các phương tiện giao thông thủy. Hướng lưu thông: qua cống khi cửa cống mở, qua âu thuyền khi cống đóng;

c) Khi chân triều thấp, có yêu cầu giữ nước giao thông thủy: đóng cửa khi mực nước tại mỗi cống xuống bằng mực nước yêu cầu giao thông thủy; mở cửa khi mực nước ngoài sông lên trở lại bằng mực nước trong cống.

3. Vận hành khi được yêu cầu của các Cơ quan thẩm quyền (Phòng cháy chữa cháy, thiên tai, diễn tập) tuân theo quy định vận hành đóng mở cống của quy trình này.

4. Khi sửa chữa, bảo trì, cửa cống được mở hoàn toàn.

Thời gian sửa chữa, bảo trì từ tháng 3 đến tháng 6 vào các ngày triều thấp

Chương III

QUAN TRẮC CÁC YẾU TỐ KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN

Điều 11. Quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai:

Các quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai tuân thủ theo Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ngày 22 tháng 04 năm 2021:

1. Các loại hình thiên tai chính ảnh hưởng đến Hệ thống:

- a) Bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, lũ, ngập lụt, nước dâng;
- b) Động đất.

2. Xác định chế độ rủi ro thiên tai:

a) Cấp độ rủi ro thiên tai do áp thấp nhiệt đới, bão cho khu vực Nam Bộ: cấp 3, cấp 4 và cấp 5.

b) Cấp độ rủi ro thiên tai do mưa lớn: cấp 1, cấp 2 và cấp 3.

c) Cấp độ rủi ro thiên tai do lũ, ngập lụt: cấp 1, cấp 2 và cấp 3.

d) Cấp độ rủi ro thiên tai do nước dâng: cấp 2, cấp 3 và cấp 4.

đ) Cấp độ rủi ro thiên tai do động đất: cấp 1, cấp 2 và cấp 3.

3. Ban hành bản tin, nội dung bản tin, tần suất và thời gian ban hành các bản tin dự báo, cảnh báo về thiên tai:

a) Bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, lũ, ngập lụt, nước dâng được quy định chi tiết tại mục 1, chương II của Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg.

b) Nước dâng được quy định chi tiết tại mục 4, chương II của Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg.

c) Động đất được quy định chi tiết tại mục 7, chương II của Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg.

4. Cung cấp thông tin, thời gian và phương thức cung cấp thông tin, chế độ truyền phát tin về thiên tai:

a) Bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, lũ, ngập lụt, nước dâng được quy định chi tiết tại mục 1, chương II của Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg.

b) Nước dâng được quy định chi tiết tại mục 4, chương II của Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg.

c) Động đất được quy định chi tiết tại mục 7, chương II của Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg.

d) Việc truyền phát tin về thiên tai của các tổ chức và cá nhân: Các tổ chức, cá nhân không thuộc quy định tại Điều 36, Điều 37 và Điều 38 Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg được khuyến khích truyền phát các bản tin thiên tai chính thức do các cơ quan, tổ chức quy định tại Điều 6 Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg cung cấp hoặc các bản tin do Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam đã phát.

5. Phương thức cung cấp thông tin, số liệu:

Việc cung cấp các thông tin, số liệu cho các cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này được thực hiện theo một trong các phương thức sau:

a) Bằng fax; chuyển bản tin bằng liên lạc; chuyển bản tin bằng mạng vi tính; thông tin trực tiếp qua điện thoại; liên lạc bằng máy tính thông tin vô tuyến điện; các hình thức thông tin liên lạc khác;

b) Văn bản gốc phải gửi đến Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố Hồ Chí Minh để theo dõi và lưu trữ hồ sơ quản lý.

Điều 12. Chế độ quan trắc khí tượng, thủy văn

Đơn vị quản lý vận hành Hệ thống có trách nhiệm quan trắc, thu thập thông tin, dữ liệu khí tượng thủy, hải văn và thông tin vận hành của Hệ thống công trình Giải quyết ngập do triều khu vực thành phố Hồ Chí Minh có xét đến yếu tố biến đổi khí hậu (giai đoạn 1) được quy định như sau:

1. Vị trí trạm đo, quan trắc lượng mưa tại 23 điểm đo mưa: 06 điểm đo trong các công kiểm soát triều lớn là: Bến Nghé, Tân Thuận, Phú Xuân, Mương Chuối, Cây Khô, Phú Định và 17 điểm đo trong vùng bảo vệ. Vị trí các điểm đo mưa như hình PL 1.3 phụ lục I;

2. Chế độ quan trắc, lập sổ theo dõi số liệu quan trắc thực hiện theo quy định hiện hành tại QCVN 47:2012/BTNMT về quan trắc thủy văn; TCVN 8304:2009 về công tác thủy văn trong hệ thống thủy lợi.

a) Nội dung quan trắc: Quan trắc lượng mưa trên lưu vực tại các vị trí trạm đo trong Hệ thống, quan trắc mực nước tại trong cống, ngoài cống;

b) Chế độ quan trắc: Mỗi ngày quan trắc 24 lần vào các giờ: 0, 1, 2, 3, ..., 23; Quan trắc 01 giờ 4 lần khi mực nước trong khu vực bảo vệ vượt mực nước +1,20m;

c) Chế độ kiểm tra định kỳ các thiết bị, dụng cụ quan trắc khí tượng, thủy văn thuộc hệ thống:

- Các thiết bị đo mực nước phải đảm bảo tốt để quan trắc chính xác. Nếu hư hỏng phải kịp thời sửa chữa. Khi thay đổi vị trí điểm đo mực nước phải ghi rõ ngày tháng thay đổi cao độ số “0” của thước nước đo cũ và mới.

- Hàng năm, sau mùa mưa lũ phải sơn kẻ lại thước đo, kiểm tra số “0” của thước đo, của cốc hay bộ đặt máy tự ghi.

- Hàng tháng kiểm tra tính năng máy tự ghi và sự chính xác của đồng hồ trong máy tự ghi mực nước, nếu thấy sai phải sửa ngay.

3. Phương thức cung cấp thông tin, số liệu:

Việc cung cấp các thông tin, số liệu cho các cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này được thực hiện theo một trong các phương thức sau:

a) Bằng fax; chuyển bản tin bằng liên lạc; chuyển bản tin bằng mạng vi tính; thông tin trực tiếp qua điện thoại; liên lạc bằng máy tính thông tin vô tuyến điện; các hình thức thông tin liên lạc khác;

b) Văn bản gốc phải gửi đến Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố Hồ Chí Minh để theo dõi và lưu trữ hồ sơ quản lý.

4. Sơ đồ nguyên lý vận hành của Hệ thống thể hiện ở phụ lục Hình PL 2.1.

Điều 13. Chế độ kiểm tra định kỳ các thiết bị, dụng cụ quan trắc khí tượng thủy văn

1. Các thiết bị đo mực nước phải đảm bảo tốt để quan trắc chính xác. Nếu hư hỏng phải kịp thời sửa chữa. Khi thay đổi vị trí điểm đo mực nước phải ghi rõ ngày tháng thay đổi cao độ số “0” của thước nước đo cũ và mới.

2. Hàng năm, sau mùa mưa lũ phải sơn kẻ lại thước đo, kiểm tra số “0” của thước đo, của cốc hay bộ đặt máy tự ghi.

3. Hàng tháng kiểm tra tính năng máy tự ghi và sự chính xác của đồng hồ trong máy tự ghi mực nước, nếu thấy sai phải sửa ngay.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN

Điều 14. Trách nhiệm của UBND thành phố Hồ Chí Minh

1. Chỉ đạo, tổ chức, công bố Quy trình vận hành trên các cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan phê duyệt, cơ quan quản lý, tổ chức cá nhân khai thác Hệ thống công trình này.

2. Chỉ đạo kiểm tra, giám sát, giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Quy trình này.

3. Quyết định việc vận hành Hệ thống công trình trong tình huống bất thường.

4. Huy động nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị để ứng phó trong trường hợp cần thiết nhằm đảm bảo an toàn công trình theo quy định của pháp luật.

5. Chỉ đạo thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn dân cư, hạn chế thiệt hại.

Điều 15. Trách nhiệm Sở Xây dựng

1. UBND thành phố Hồ Chí Minh giao Sở Xây dựng là chủ quản lý công trình, tổ chức quản lý, vận hành, bảo trì và bảo vệ hệ thống công trình đảm bảo an toàn, hiệu quả, bền vững.

2. Đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các tổ chức, cá nhân được hưởng lợi từ Hệ thống, và trực tiếp chỉ đạo, giám sát Đơn vị Quản lý vận hành vận hành hệ thống theo đúng quy trình.

3. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường giải quyết các vấn đề liên quan đến quy định thời gian duy trì và mực nước đảm bảo cảnh quan, môi trường.

4. Phối hợp với các cơ quan liên quan giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Quy trình.

5. Kịp thời báo cáo UBND thành phố Hồ Chí Minh để xử lý các trường hợp khẩn cấp, đặc biệt hoặc chưa được quy định trong quy trình này.

6. Định kỳ hàng năm báo cáo kết quả quản lý vận hành cho UBND thành phố Hồ Chí Minh.

7. Tổ chức rà soát bổ sung, điều chỉnh nội dung của Quy trình vận hành, báo cáo UBND Thành phố phê duyệt điều chỉnh.

Điều 16. Trách nhiệm của Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố Hồ Chí Minh

1. Chỉ đạo tổ chức thực hiện, kiểm tra phương án phòng chống thiên tai và khắc phục hậu quả thiên tai trong phạm vi Hệ thống theo quy định.

2. Chỉ huy ứng phó thiên tai, tìm kiếm cứu nạn do thiên tai gây ra trong phạm vi Hệ thống.

Điều 17. Trách nhiệm các sở, ban ngành liên quan của thành phố Hồ Chí Minh

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giao thông vận tải, Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở, ban ngành liên quan.

1. Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc đơn vị quản lý trực thuộc trong quá trình tham gia phối hợp vận hành thực hiện Quy trình vận hành liên quan đến lĩnh vực quản lý.

2. Sở Giao thông Vận tải phối hợp giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động giao thông đường thủy.

3. Phối hợp giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực quản lý phát sinh trong quá trình thực hiện Quy trình vận hành.

4. Kịp thời báo cáo UBND thành phố Hồ Chí Minh để xử lý các trường hợp đặc biệt liên quan đến lĩnh vực quản lý.

Điều 18. Trách nhiệm của UBND các Quận 1, 4, 5, 6, 7, 8, 10, 11, Tân Bình, Tân Phú, huyện Nhà Bè, huyện Bình Chánh.

1. Phối hợp với Đơn vị quản lý vận hành thực hiện Quy trình này.

2. Ngăn chặn, xử lý đối với những tổ chức, cá nhân vi phạm Quy trình vận hành và thông báo cho Đơn vị quản lý vận hành những hành vi ngăn cản, xâm hại việc thực hiện Quy trình.

3. Huy động nhân lực, vật lực, phối hợp với Đơn vị quản lý vận hành trong công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, bảo vệ và xử lý sự cố công trình.

4. Tuyên truyền vận động nhân dân địa phương thực hiện các quy định trong Quy trình này và tham gia công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, bảo vệ công trình trong hệ thống.

Điều 19. Trách nhiệm Đơn vị quản lý vận hành

1. Chịu trách nhiệm quản lý và vận hành theo Quy trình này.

2. Lập kế hoạch, tổ chức vận hành trong các thời kỳ cụ thể tuân theo các quy định của Quy trình vận hành này. Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống công trình để đảm bảo vận hành tốt trong mọi tình huống.

3. Tổ chức quan trắc, cập nhật các thông tin dự báo khí tượng thủy văn, lập kế hoạch và phương án vận hành hệ thống cho từng thời đoạn trên cơ sở các điều khoản quy định trong Quy trình.

4. Đảm bảo an toàn mạng giám sát và thu thập thông tin của Hệ thống.

5. Được quyền lập biên bản đối với những tổ chức, cá nhân vi phạm Quy trình vận hành. Nếu vi phạm ở mức độ nghiêm trọng, báo cáo đến cấp có thẩm quyền xử lý.

6. Xây dựng phương án, vật tư, thiết bị, nhân sự ứng phó tình huống thiên tai và sự cố công trình.

7. Khi xuất hiện các tình huống thiên tai, việc vận hành Hệ thống phải tuân theo phương án phòng, chống thiên tai được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

8. Các trường hợp khẩn cấp khác khoản 7 Điều này hoặc chưa có trong Quy trình, Đơn vị quản lý vận hành đề xuất phương án xử lý, báo cáo Giám đốc Sở Xây dựng để trình UBND thành phố Hồ Chí Minh xem xét, quyết định.

9. Trong quá trình thực hiện, Đơn vị quản lý vận hành phải thường xuyên cung cấp thông tin, báo cáo cho Sở Xây dựng, Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố, UBND các quận, huyện 1, 4, 5, 6, 7, 8, Bình Chánh, Nhà Bè và các đơn vị có liên quan.

10. Sau mỗi năm thực hiện quy trình vận hành, có trách nhiệm tổ chức, tổng kết và báo cáo bằng văn bản gửi các cấp có thẩm quyền về kết quả phục vụ; an toàn công trình; quản lý công trình; thực hiện Quy trình vận hành; duy tu, bảo dưỡng công trình theo Quy trình bảo trì công trình.

11. Hàng năm trước mùa mưa, lũ Đơn vị Quản lý vận hành phải thực hiện:

a) Kiểm tra công trình, thiết bị, phát hiện và xử lý kịp thời những hư hỏng, bảo đảm công trình vận hành an toàn. Ngoài ra, các máy móc, thiết bị được lắp đặt phải tuân thủ chế độ bảo trì, bảo dưỡng theo quy trình duy tu bảo dưỡng;

b) Thường xuyên và định kỳ cập nhật số liệu dự báo triều tại trạm Phú An, Nhà Bè, Vũng Tàu và lượng mưa trạm Nhà Bè, Tân Sơn Hòa theo thời hạn được quy định tại Điều 12 Quy trình này.

Điều 20. Trách nhiệm về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai:

1. Cơ quan tổ chức có trách nhiệm ban hành bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai:

a) Tổng cục Khí tượng Thủy văn thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức ban hành các bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai: Bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, lũ, ngập lụt, nước dâng.

b) Viện Vật lý địa cầu thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam tổ chức ban hành các bản tin động đất và cấp độ rủi ro thiên tai động đất.

c) Bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai do các cơ quan, tổ chức quy định tại Điểm a, b Khoản này ban hành là bản tin chính thức, được sử dụng trong chỉ đạo điều hành hoạt động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai khu vực hệ thống.

2. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai:

Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai tuân thủ theo chương 4 Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg.

a) Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp thành phố.

- Chỉ đạo Đài phát thanh và truyền hình tỉnh, các cơ sở phát thanh cấp huyện, thị xã thực hiện các quy định truyền tin về thiên tai;

- Phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, kiểm tra việc thực hiện các quy định về cung cấp thông tin của chủ các công trình hồ chứa theo quy định;

- Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các bộ, ngành liên quan tuyên truyền, phổ biến kiến thức về thiên tai, cấp độ rủi ro thiên tai; dự báo, cảnh báo và truyền tin về thiên tai.

b) Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp quận/huyện

Tiếp nhận thông tin dự báo, cảnh báo thiên tai từ Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh; chỉ đạo các cơ sở phát thanh cấp huyện, thị xã thực hiện các quy định truyền tin về thiên tai có liên quan trực tiếp đến địa phương.

c) Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã/phường.

Tiếp nhận thông tin dự báo, cảnh báo thiên tai từ Ủy ban nhân dân và Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện; chỉ đạo Đài truyền thanh cấp xã thực hiện các quy định của pháp luật về cấp độ rủi ro thiên tai, dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai có liên quan trực tiếp đến địa phương; tuyên truyền, phổ biến đến từng cộng đồng dân cư để chủ động trong phòng ngừa, ứng phó và khắc phục thiệt hại do thiên tai trên địa bàn.

Điều 21. Trách nhiệm cung cấp thông tin báo cáo trong mùa mưa, mùa khô.

1. Trách nhiệm tổ chức quan trắc:

a) Trong điều kiện thời tiết bình thường, khi chưa xuất hiện tình huống thời tiết có khả năng gây mưa, theo quy định tại điểm b khoản này, hàng ngày, Đơn vị quản lý vận hành Hệ thống phải:

(i) Thu thập bản tin dự báo mưa và mực nước của Tổng cục Khí tượng thủy văn,

Đài Khí tượng thủy văn Khu vực Nam Bộ.

(ii) Tổ chức quan trắc lượng mưa theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 12;

b) Khi dự báo có mưa, hàng ngày, Đơn vị quản lý vận hành Hệ thống phải thực hiện chế độ quan trắc và duy trì cho đến khi kết thúc đợt mưa như sau:

(i) Thu thập, tiếp nhận bản tin dự báo của Tổng cục Khí tượng thủy văn, Đài Khí tượng Thủy văn Khu vực Nam Bộ về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai ảnh hưởng đến khu vực dự án như Điều 11 Quy trình này;

(ii) Tổ chức quan trắc lượng mưa theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 12;

(iii) Theo dõi và phát hiện thời điểm mực nước trong khu vực bảo vệ đạt các giá trị tương ứng với các chế độ vận hành của Hệ Thống theo quy định tại Khoản 2, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9 và Điều 10 của Quy trình này và báo cáo ngay tới Giám đốc Sở Xây dựng, Trưởng Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố Hồ Chí Minh.

2. Trách nhiệm cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc:

a) Trong điều kiện thời tiết bình thường, khi chưa xuất hiện tình huống thời tiết có khả năng gây mưa lớn hoặc triều cao, Đơn vị quản lý vận hành Hệ thống phải cung cấp thông tin dự báo và số liệu quan trắc, quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 12 cho Sở Xây dựng hàng tháng, đồng thời cập nhật lên trang thông tin điện tử của Đơn vị quản lý vận hành Hệ thống;

b) Khi dự báo có mưa lớn hoặc triều cao xuất hiện, Đơn vị quản lý vận hành phải cung cấp ngay bản tin dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai ảnh hưởng đến khu vực kèm theo số liệu quan trắc của Hệ thống theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 12 cho Sở Xây dựng, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố Hồ Chí Minh đồng thời cập nhật lên trang thông tin điện tử của Đơn vị quản lý vận hành.

3. Trách nhiệm báo cáo:

Đơn vị quản lý vận hành có trách nhiệm báo cáo kết quả vận hành ngăn triều, hỗ trợ thoát nước và trạng thái làm việc của Hệ thống như sau:

a) Chậm nhất 02 ngày sau khi kết thúc đợt mưa lớn, báo cáo kết quả vận hành ngăn triều, hỗ trợ thoát nước và trạng thái làm việc sau đợt mưa lớn trong khu vực bảo vệ và các thông tin có liên quan đến UBND thành phố Hồ Chí Minh, Sở Xây dựng, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố Hồ Chí Minh, và các sở ban ngành liên quan;

b) Hàng năm, chậm nhất 15 ngày sau khi kết thúc mùa mưa quy định tại Điều 5 của Quy trình này, Đơn vị quản lý vận hành phải báo cáo kết quả vận hành ngăn triều, hỗ trợ thoát nước của Hệ thống, các đề xuất, kiến nghị và các thông tin có liên quan

đến UBND thành phố Hồ Chí Minh, Sở Xây dựng, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố Hồ Chí Minh và các sở ban ngành liên quan.

c) Trường hợp mực nước dâng cao bất thường, có nguy cơ ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất của người dân trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, phải có thông tin dự báo, cảnh báo kịp thời đến Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Đồng Nai, Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn Đồng Nai

d) Trường hợp mực nước dâng cao bất thường, có nguy cơ ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất của người dân trên địa bàn tỉnh Long An, phải có thông tin dự báo, cảnh báo kịp thời đến Ủy ban nhân dân tỉnh Long An, Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Long An, Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn Long An.

Điều 22. Thẩm quyền lập biên bản và xử phạt hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều

1. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính theo Điều 37 của Nghị định 03/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022.

2. Thẩm quyền xử phạt hành chính theo Điều 38, Điều 39, Điều 41, Điều 44, Điều 45, Điều 46, Điều 47 của Nghị định 03/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022.

Điều 23. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đến Quy trình vận hành

1. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến Hệ thống Giải quyết ngập do triều khu vực thành phố Hồ Chí Minh có xét đến yếu tố biến đổi khí hậu (Giai đoạn 1) phải tuân thủ thực hiện các quy định theo Quy trình này.

2. Phương tiện lưu thông qua hệ thống công tuân thủ các quy định theo Quy trình này và theo quy định liên quan tại Luật Giao thông đường thủy nội địa hiện hành.

3. Tuân thủ Luật Thủy lợi và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Thời điểm hiệu lực của Quy trình vận hành Hệ thống

Quy trình vận hành Hệ thống có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 25. Công bố công khai và sửa đổi, bổ sung Quy trình

1. Công bố trên cổng thông tin điện tử của UBND thành phố Hồ Chí Minh và trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giao thông Vận tải, Đơn vị quản lý vận hành và các sở - ngành, địa phương liên quan.

2. Trong quá trình thực hiện Quy trình vận hành Hệ thống, nếu có nội dung chưa phù hợp với thực tế, khó khăn, vướng mắc, Giám đốc Sở Xây dựng, Thủ trưởng Đơn vị quản lý vận hành Hệ thống, thủ trưởng các đơn vị có liên quan phải kiến nghị kịp thời bằng văn bản gửi UBND thành phố Hồ Chí Minh xem xét, chỉ đạo. Sau 01 (một) năm thực hiện Quy trình này, Đơn vị quản lý vận hành tổng kết và điều chỉnh Quy trình (nếu cần thiết)

Điều 26. Hình thức khen thưởng, xử lý vi phạm Quy trình vận hành Hệ thống

1. Các tổ chức cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thực hiện vận hành Hệ thống theo quy định tại Quy trình này.

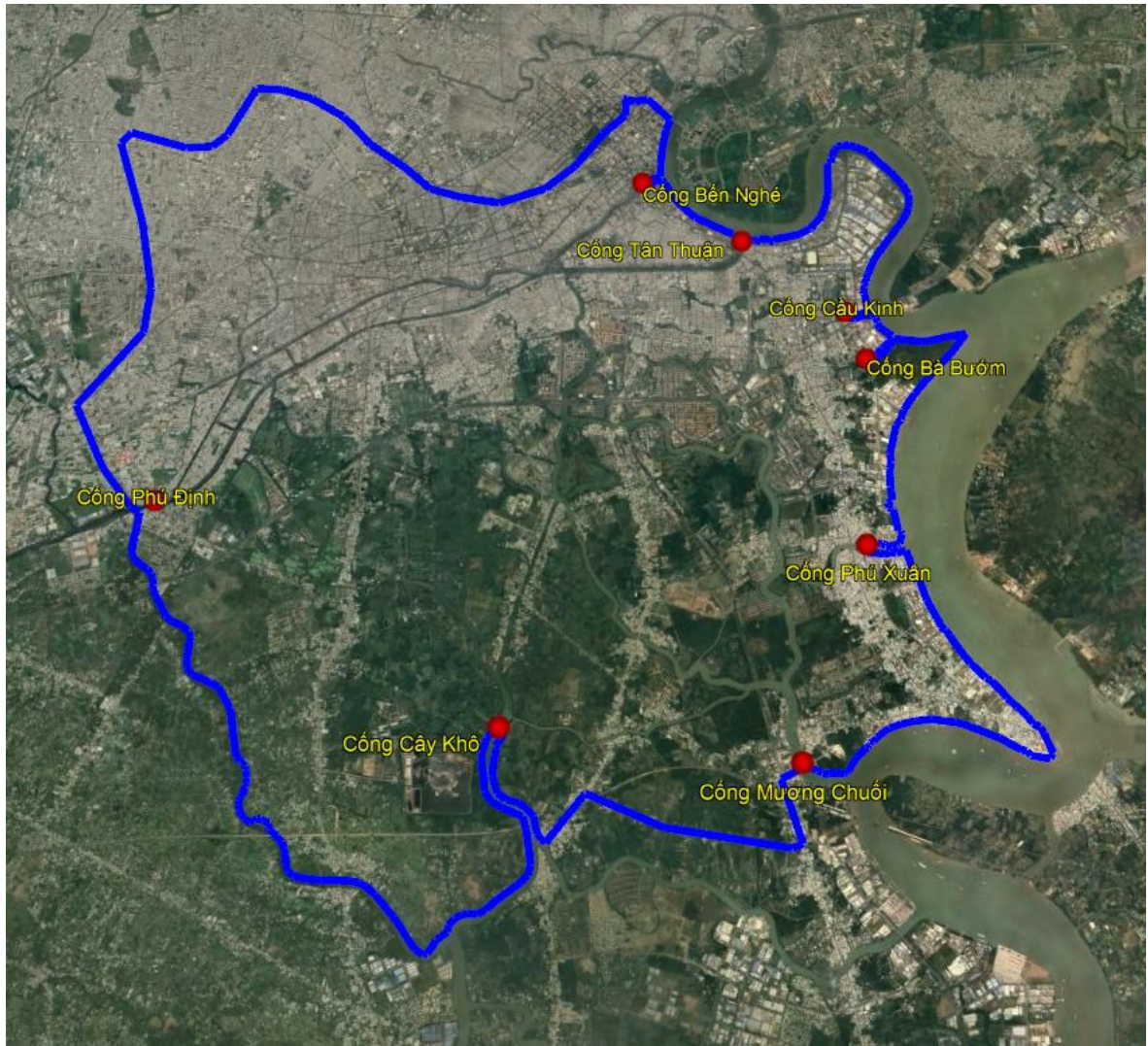
2. Những tổ chức, cá nhân thực hiện tốt được khen thưởng theo quy định. Mọi hành vi vi phạm Quy trình này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Xuân Cường

PHỤ LỤC I. TỔNG QUAN VỀ HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH

1.1. Sơ đồ phạm vi ảnh hưởng của Hệ thống



Hình PL1.1: Sơ đồ phạm vi ảnh hưởng và vị trí các cổng trong Hệ thống

1.2. Vị trí xây dựng công trình

Bảng PL1.1: Vị trí xây dựng công trình trong hệ thống

STT	Công trình	Sông	Địa điểm
1	Cổng Bến Nghé	Rạch Bến Nghé	Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1 và phường 12, Quận 4
2	Cổng Tân Thuận	Kênh Tê	Phường 18, Quận 4 và phường Tân Đông Thuận, Quận 7

STT	Công trình	Sông	Địa điểm
3	Cống Phú Xuân	Sông Phú Xuân	Phường Phú Mỹ, Quận 7 và Thị trấn Nhà Bè
4	Cống Mương chuối	Rạch Mương Chuối	Xã Phú Xuân và xã Long Thới Huyện Nhà Bè
5	Cống Cây Khô	Rạch Cây Khô	Xã Nhơn Đức, huyện Nhà Bè và xã Phong Phú, huyện Bình Chánh
6	Cống Phú định	Kênh Đôi	Phường 6 và Phường 17, Quận 8
7	Kè Đoạn 1 (ĐB1):	Từ cống Mương Chuối đến nhà máy X51 chiều dài khoảng 3.285m	Xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè
	Kè Đoạn 2 (ĐB2):	Từ phà Bình Khánh đến kho xăng dầu Petechim, chiều dài 785m	Xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè
	Kè Đoạn 3 (ĐB3):	Từ kho xăng dầu Petechim đến Kho C – Tổng kho xăng dầu Nhà Bè, chiều dài khoảng 413m	Xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè
	Kè Đoạn 4 (ĐB4):	Từ cống Phú Xuân đến nhà máy đóng tàu Shipmarine, chiều dài khoảng 1.521m	Phường Phú Mỹ, Quận 7
	+Cống Cầu Kinh nằm trên rạch Cầu Kinh thuộc phường Tân Thuận Đông, quận 7; + Cống Bà Bướm nằm trên rạch Bà Bướm thuộc phường Phú Thuận, quận 7. Các cống nhỏ D1000, B=2m nằm tại vị trí giao nhau của rạch hiện hữu với các đoạn đê kè; và		

Bảng PL1.2: Các cụm công trình và các hạng mục trong hệ thống

STT	Cụm công trình	Cổng kiểm soát	Trạm bơm	Âu thuyền	Cổng ngăn triều
1	Bến Nghé	x	x		
2	Tân Thuận	x	x	x	
3	Phú Xuân	x			
4	Mương Chuối	x		x	
5	Cây Khô	x		x	
6	Phú Định	x	x	x	
7	Cầu Kinh		x		x
8	Bà Bướm		x		x
9	Đê/kè và cống nhỏ				x

Các công trình phụ trợ:

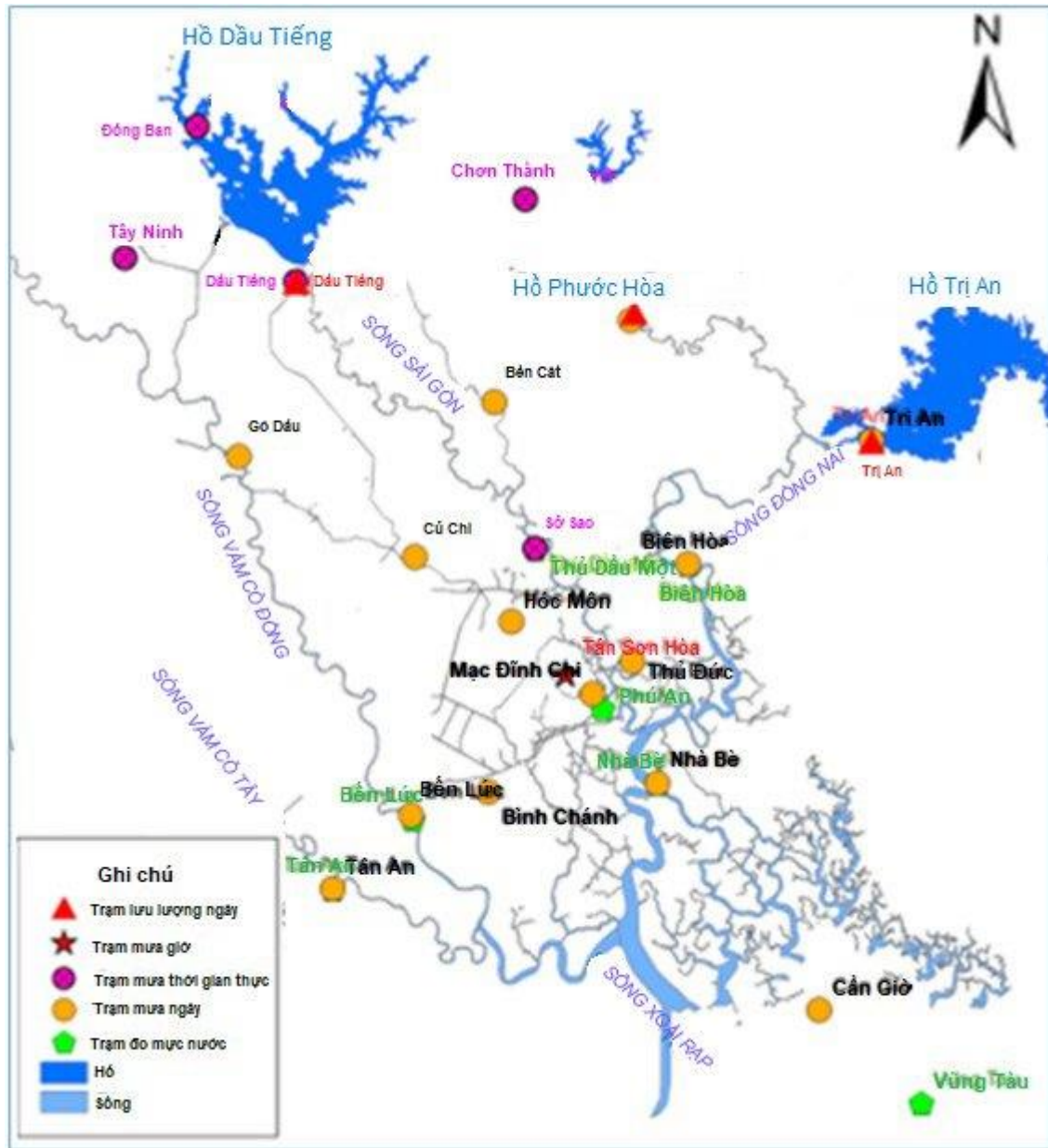
- Nhà quản lý trung tâm và khu sửa chữa, bảo trì cho Hệ thống đặt tại vị trí công Mương Chuối;

- Nhà quản lý của từng cụm công trình đặt tại vị trí các cống.

1.3. Mưa thiết kế

Bảng PL1.3: Kết quả đường tần suất lượng mưa 3 giờ lớn nhất trạm Tân Sơn Nhất theo các tần suất thiết kế, đơn vị: mm

Tần suất (P%)	0,2	0,5	1	2	5	10	20	50
Chu kỳ lặp lại (năm)	500	200	100	50	20	10	5	2
Lượng mưa (mm)	201,3	184,2	170,9	157,4	138,8	124,0	108,2	84,0
<i>Ghi chú: Tần suất thiết kế tiêu 10% ứng với lượng mưa 124mm. Theo Quyết định số 4324/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ngày 07 tháng 10 năm 2019</i>								

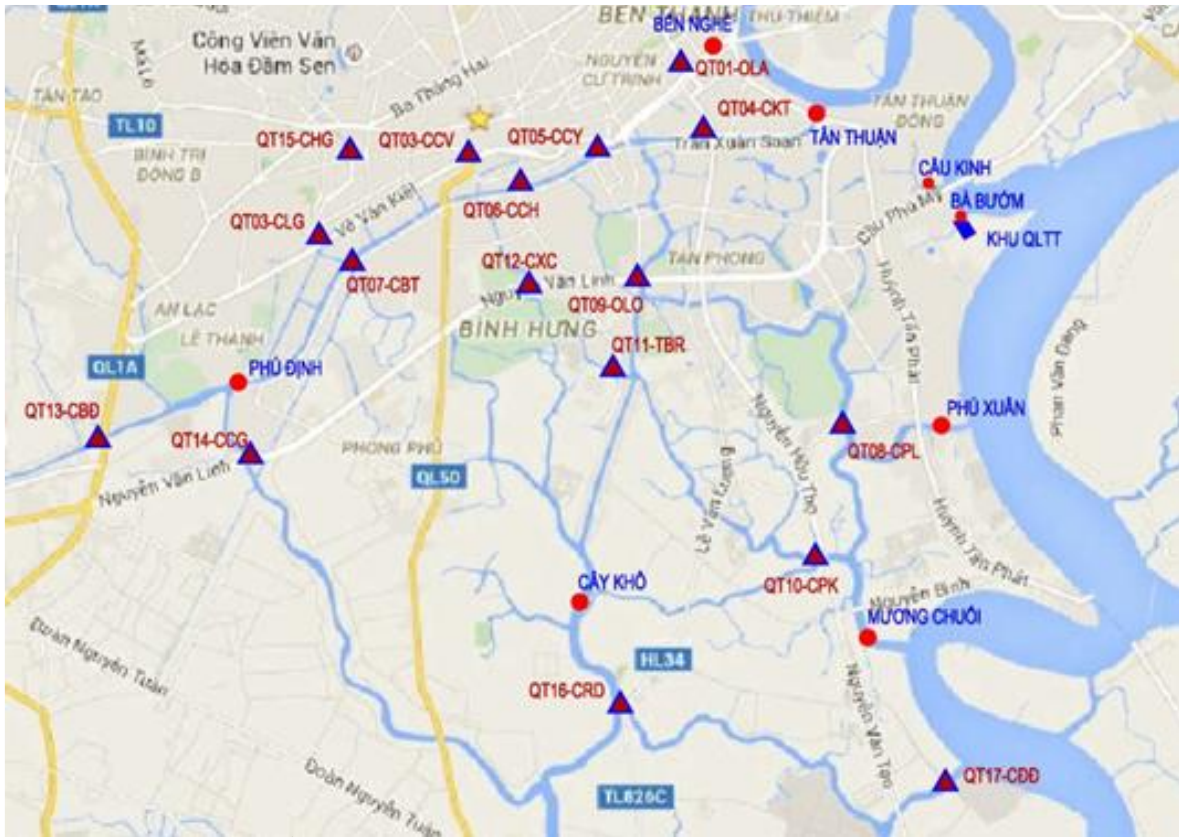


Hình PL1.2: Bản đồ vị trí các trạm đo mưa, mực nước trong vùng nghiên cứu
1.4. Mực nước thiết kế

- Mực nước không chế trên kênh rạch trong Hệ thống khi đón mưa $\leq +1,20\text{m}$.
- Mực nước ứng với tần suất thiết kế tại một trạm thủy, hải văn tại bảng PL1.4:

Bảng PL1.4: Mực nước đỉnh triều cao nhất thiết kế theo các tần suất, (đơn vị: m)

Trạm đo	Tần suất đỉnh triều cao nhất (P %)										
	0,01	0,1	0,2	0,3	0,5	1,0	1,5	2,0	3,0	5,0	10
Phú An	1,81	1,70	1,67	1,64	1,62	1,59	1,57	1,55	1,53	1,50	1,45
Vũng Tàu	1,67	1,61	1,59	1,57	1,53	1,51	1,50	1,49	1,49	1,46	1,44



Khoảng cách chiều dọc khoảng 12km

Khoảng cách chiều ngang khoảng 18km

Hình PL1.3: Bản đồ vị trí các trạm đo mưa, mực nước trong Hệ thống

Bảng PL1.5: Tên và địa điểm trạm quan trắc

STT	Tên điểm	Cầu/ Vị trí	Quận/ huyện	Sông/ Rạch
1	QT01-OLA	Ông Lãnh	Quận 1, 4	Bến Nghé
2	QT02-CCV	Chà Và	Quận 6, 8	Tàu Hủ
3	QT03-CLG	Lò Gốm	Quận 6	Lò Gốm, Tàu Hủ, Ruột Ngựa
4	QT04-CKT	Kênh Tẻ	Quận 4, 7	Tẻ
5	QT05-CCY	Chữ Y	Quận 5, 8	Tàu Hủ, Đồi, Tẻ
6	QT06-CCH	Chánh Hưng	Quận 8	Đồi
7	QT07-CBT	Bà Tầng	Quận 8	Đồi, Bà Lớn
8	QT08-CPL	Phước Long	Quận 7, Nhà Bè	Bàng
9	QT09-OLO	Ông Lớn	Quận 7, Bình Chánh	Ông Lớn
10	QT10-CPK	Phước Kiếng	Nhà Bè	Phước Kiếng
11	QT11-TBR	Tắc Bến Rô	Nhà Bè	Tắc Bến Rô
12	QT12-CXC	Xóm Củi	Bình Chánh	Hiệp Ân
13	QT13-CBD	Bình Điền	Bình Chánh	Chợ Đệm
14	QT14-CCG	Cần Giuộc	Quận 8	Cần Giuộc
15	QT15-CHG	Hậu Giang	Quận 6	Tân Hóa
16	QT16-CRD	Rạch Dơi	Nhà Bè	Rạch Dơi
17	QT17-CDD	Đồng Điền	Quận 8	Kinh

- Mức nước thấp nhất thiết kế theo yêu cầu giao thông thủy tại mỗi cống

Bảng PL1.6: Bảng thông số mực nước thiết kế các công trình trong hệ thống

TT	Hạng mục	Đơn vị	Bến Nghé	Tân Thuận	Phú Xuân	Mương Chuối	Cây Khô	Phú Định	Bà Bướm	Cầu Kinh
1	Mức nước ngoài sông ứng với P=0,5% (Riêng Cầu Kinh và Bà Bướm P=0,4%)	m	1,87	1,88	1,92		1,88	1,71	1,88	1,88
2	Mức nước cao nhất thiết kế thi công P=5%	m	1,63	1,63	1,63		1,63	1,61	1,82	1,82
3	Mức nước thấp nhất tần suất 97%	m	-2,72	-2,65	-2,72	-2,33	-2,81	-2,50	-2,73	2,73
4	Mức nước cao nhất thiết kế giao thông thủy 5%	m	1,58	1,63	1,60	1,58	1,58	1,44	1,58	1,58
5	Mức nước thấp thiết kế thông thuyền 98%	m	-1,90	-1,90	-2,00	-1,80	-1,91	-1,64	-1,90	-1,90
Không chế MN lớn nhất trung bình trong khu vực bảo vệ không vượt +1,20m. Ghi chú: Các cao trình mực nước cao độ các trạm thủy văn.										

(Ghi chú: Việc quy đổi các mực nước từ hệ cao độ mốc trạm thủy văn về hệ cao độ địa hình quốc gia hiện hành theo quy định tại Quyết định 1600/QĐ-BNN-XDCB ngày 14/6/2010 của Bộ NN&PTNT: MN theo cao độ trạm thủy văn)

1.5. Qui mô, thông số các công trình chủ yếu

Bảng PL1.7: Quy mô, thông số các công trình trong hệ thống

Tên cống		Bến Nghé	Tân Thuận	Phú Xuân	Mương Chuối	Cây Khô	Phú Định	Bà Bướm	Cầu Kinh
Cấp công trình		Cấp I	Cấp I	Cấp I	Cấp I	Cấp I	Cấp I		
Công chính									
Chiều rộng khoang cống	m	40	40	80	160	80	40	10	10
Số cửa	cửa	1	1	2	4	2	1	1	1
Cao trình ngưỡng cống	m	-3,6	-5,5	-5	-6,5÷ -10	-5,5	-5,5	-3,00	-3,00
Cao trình đỉnh cửa van	m	+3,0	+3,0	+3,0	+3,0	+3,0	+3,0	+3,0	+3,0
Cao trình đỉnh trụ pin	m	+3,0	+3,5	+3,5	+3,5	+3,5	+3,5		

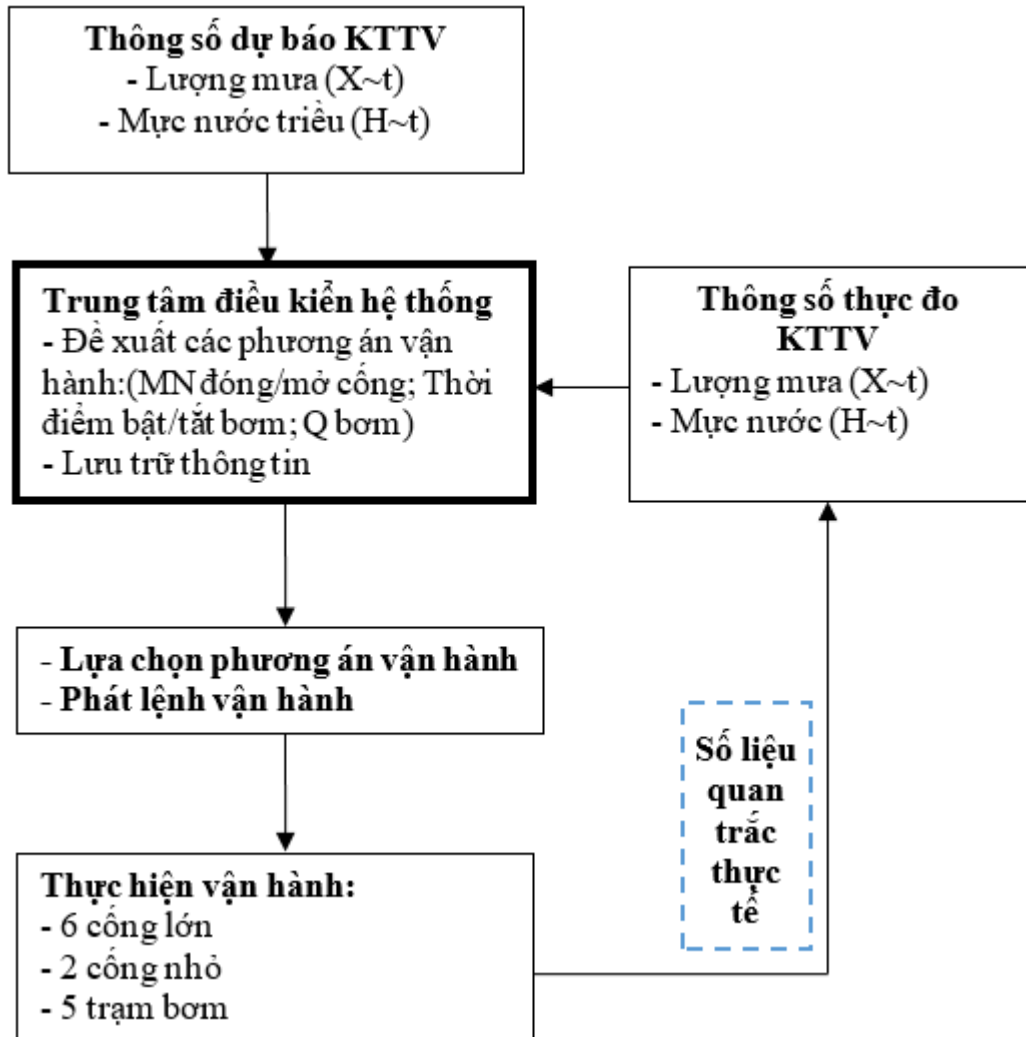
Tên công		Bến Nghé	Tân Thuận	Phú Xuân	Mương Chuối	Cây Khô	Phú Định	Bà Bướm	Cầu Kinh
Cao trình đáy kênh thượng công	m	-3,60		-5,3		-4,1 (kênh chuyển dòng)	-5,5	-3,00	-3,00
Cao trình đáy kênh hạ lưu công	m	-4,00		-5,3		-4,1 (kênh chuyển dòng)	-5,5	-3,00	-3,00
Trạm Bơm									
Q _{TK}	m ³ /s	12	48				36	5	5
Q mỗi máy	m ³ /s	6	6				6	2,5	2,5
Số tổ máy (GD1)	máy	2	8				6	2	2
Số tổ máy (GD2)	máy								
Cao trình đáy ống hút	m	-4,25	-4,25				-4,25		
Cao trình đáy bể hút	m	-5	-5				-5,5		
Chiều rộng buồng hút 1 tổ máy	m	3,6					3,6		
Cột nước thiết kế	m	3,5		3,5			3,5		
Âu thuyền									
Chiều rộng âu	m		15		11	15	15		
Chiều dài âu	m		156		100	100	100		
Cao trình ngưỡng âu	m		-5,5		-5,5	-5,5	-5,5		
Cao trình đỉnh âu	m		+3,5		+3,5		+3,5		
Cao trình đỉnh cửa van	m		3						

(Ghi chú: Mực nước từ hệ cao độ mốc trạm thủy văn về hệ cao độ địa hình quốc gia hiện hành theo quy định tại Quyết định 1600/QĐ-BNN-XDCB ngày 14/6/2010 của Bộ NN&PTNT: mực nước theo cao độ địa hình quốc gia = mực nước theo cao độ trạm thủy văn + 0,23m)

Thông số căn cứ theo Quyết định số 5976/QĐ-UBND của UBND thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án và Quyết định số 4324/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ngày 07 tháng 10 năm 2019.

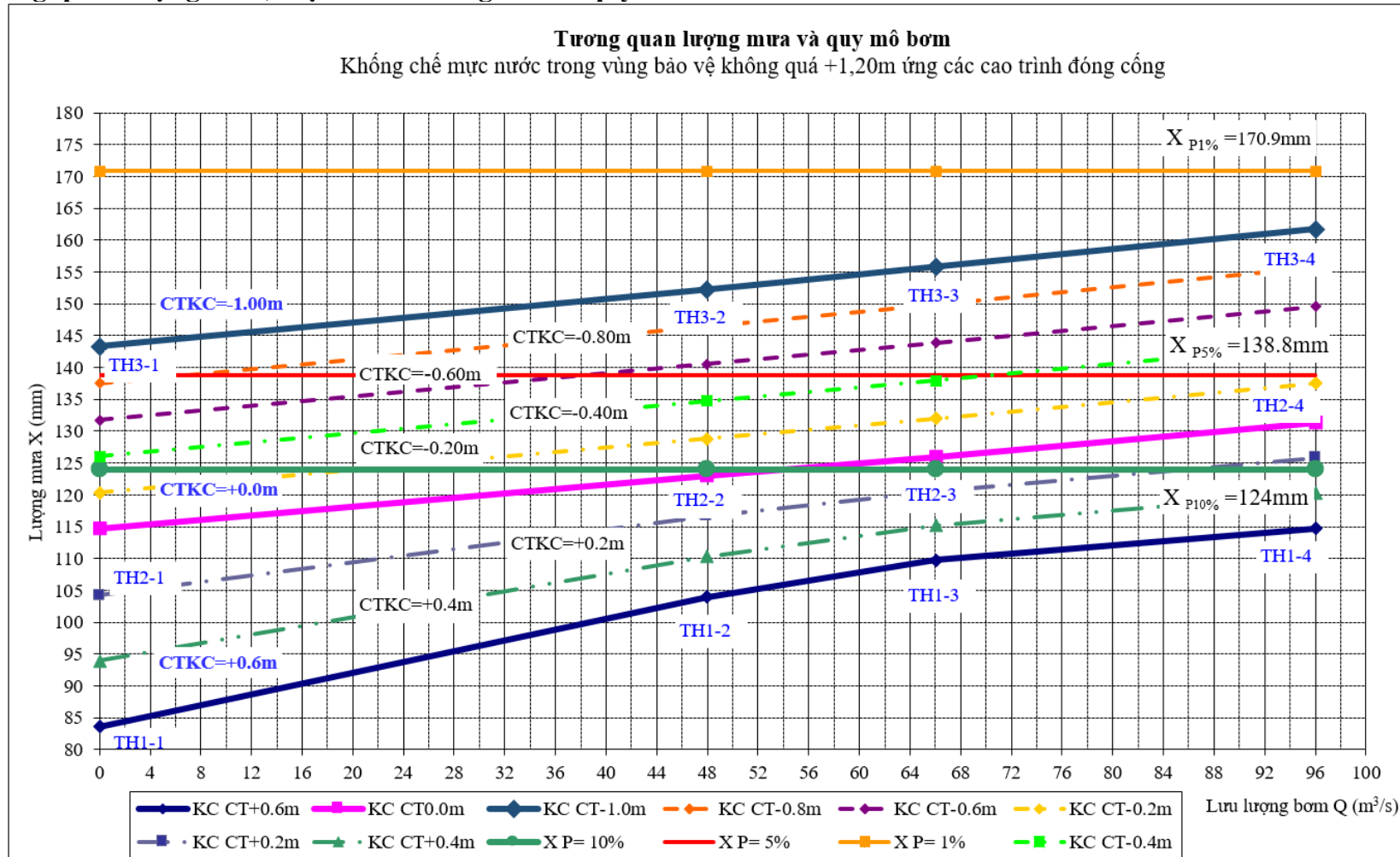
PHỤ LỤC II. NGUYÊN LÝ VẬN HÀNH VÀ MỘT SỐ KẾT QUẢ TÍNH TOÁN

2.1. Sơ đồ nguyên lý vận hành hệ thống



Hình PL2.1: Sơ đồ nguyên lý vận hành của hệ thống

2.2. Tương quan lượng mưa, mực nước không chế và quy mô bơm



Hình PL2.2: Tương quan lượng mưa và quy mô bơm các trường hợp vận hành

PHỤ LỤC III. CÁC TUYẾN GIAO THÔNG THỦY TRONG HỆ THỐNG

STT	Tên sông, rạch	Chiều dài (m)	Cấp kỹ thuật	Điểm đầu	Điểm cuối	Ghi Chú
1	Kênh ngang số 2	400	IV	Kênh đôi	Kênh Tàu Hũ – Lò gôm	
2	Kênh ngang số 3	400	IV	Kênh đôi	Kênh Tàu Hũ – Lò gôm	
3	Rạch Bến Nghé	3100	V	Ngã ba sông Sài Gòn	Ngã tư kênh Tàu Hũ	
4	Kênh Tàu Hũ – Lò Gôm	9000	V	Ngã Tư rạch Bến Nghé	Sông Bến Lức	
5	Rạch Xóm Củi - Gò Nổi	7100	V	Kênh Đôi	Ngã ba rạch bà Lao	
6	Rạch Bà Tàng - Cầu Sập	4500	VI	Kênh Đôi	Sông Cần Giuộc	
7	Sông Cần Giuộc	11500	III	Sông Bến Lức	Ngã ba sông Cần Giuộc	
8	Rạch Bà Lớn – Rạch Chôm	7000	VI	Rạch Bà Tàng	Cuối Tuyến	
9	Rạch Chiêu – Cầu Bà Cả	4000	VI	Sông Cần Giuộc	Cuối tuyến (Đa Phước)	
10	Rạch Đĩa – Rạch Roi – Sông Phú Xuân	9800	VI	Rạch Ông Lớn	Sông Nhà Bè	
11	Rạch Ông lớn 2 – Sông Phước Kiển – Mương Chuối	9000	IV	Kênh cây Khô	Sông Soài Rạp	
12	Rạch Tôm (Nhánh Phú Xuân – Mương Chuối)	2500	IV	Sông Phú Xuân	Sông Mương Chuối	
13	Rạch Dơi – Sông Kinh (Sông Đồng Điền)	9000	IV	Sông Cần Giuộc	Sông Soài Rạp	
14	Rạch Tôm (nhánh Phước Kiển)	5100	V	Sông Phước Kiển	Sông Cần Giuộc	
15	Rạch Ông Tư Dinh	3000	VI	Rạch Đĩa	Rạch Ông Lớn	
16	Rạch Cả Cầm	3000	VI	Rạch Roi	Cầu Đa Khoa	
17	Rạch Bà Chiêm – Bà Chùa Lấp Dầu	6000	VI	Sông Mương Chuối	Rạch Dơi	
18	Rạch Tắc Rối (Rạch Cầu Kinh)	2500	VI	Sông Sài Gòn	Cuối tuyến (Quận 7)	
19	Kênh Đôi – Kênh Tẻ	13000	III	Ngã ba sông Sài Gòn	Ngã ba sông chợ Đệm Bến Lức	

(Ghi chú: Theo Quyết định số 40/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy Ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh).